TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/DS-PT
Ngày: 26-6-2025
V/v:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 120/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Anh Lùng Duy Vĩnh T, sinh năm 1998.

2/ Chị Lùng Duy Thái P, sinh năm 1996.

3/ Chị Lùng Duy T1, sinh năm 1995.

Địa chỉ liên lạc: Số A, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lùng Duy Vĩnh T: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, đường N, khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2024).

4/ Chị Lùng Duy Thái H1, sinh ngày 06/10/2006.

Địa chỉ: Hẻm S, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: Số A, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lùng Thị Thanh H2, sinh năm 1965; cư trú tại tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lùng Thị Thanh C, sinh năm 1956; địa chỉ: Số B, đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà Lùng Thị Thanh M**,** sinh năm 1952; địa chỉ: Số B, đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; cư trú tại thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà C, bà M: Luật sư Nguyễn Hồng P1 – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

3/ Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Anh Lùng Khải K, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6/ Chị Nguyễn Nguyệt Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Anh Nguyễn Thanh G1, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

8/ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nguyên H3, chức vụ: Chủ tịch; địa chỉ: Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T2 – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản uỷ quyền ngày 24/11/2023).

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Lùng Thị Thanh C, bà Lùng Thị Thanh M - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Anh T, ông H, bà H2, bà C, bà M, luật sư P1 có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 (sinh năm 2006) do bà Đặng Thị T3 đại diện theo pháp luật, người đại diện theo uỷ quyền của chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, bà Đặng Thị T3 tham gia tố tụng là anh Lùng Duy Vĩnh T và anh Lùng Duy Vĩnh T trình bày: Các anh chị có bố là ông Lùng Khải M1, sinh năm 1964 (chết ngày 06/12/2011). Mẹ tên bà Đặng Thị T3, sinh năm 1967. Ông M1 và bà T3 đã ly hôn ngày 16/4/2008 theo Bản án số 56/2008/HNGĐ-ST ngày 16/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Ông M1 và bà T3 có 04 người con chung gồm: Anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 (sinh ngày 06/10/2006). Ông M1 con ông Lùng Diêu P2 (chết đã lâu) và bà Lò Thị C1 (chết năm 2000). Ông bà nội có 02 con là: ông Lùng Khải M1, bà Lùng Thị Thanh H2. Ngoài ra, không còn ai khác. Ông P2 có vợ đầu đã chết lâu có 02 người con chung là bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C.

Theo Bản án số 56/2008/HNGĐ-ST ngày 16/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tài sản của ông M1 được Toà án chia khi ly hôn gồm: Diện tích 4.090m^2 đất và diện tích 5.784m^2 đất, thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất 744m^2 thuộc thửa đất số 324, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất 511m^2 thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi ly hôn thì bố anh bị bệnh và chết, thời điểm đó anh em còn nhỏ, trước đây bà H2 ở tỉnh Cà Mau lên đây làm ăn nên bố anh cho bà H2 mượn đất. Vì vậy, bố anh chưa đi làm thủ tục cấp mới theo Bản án số 56/2008/HNGĐ-ST ngày 16/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Toàn bộ diện tích đất này sau khi ông M1 chết thì cho bà H2 em ruột ông M1 mượn sử dụng, lúc này anh em ông bà còn nhỏ nay anh em đã thành niên nên yêu cầu bà H2 trả lại đất nhưng bà H2 không trả.

Nay, anh chị căn cứ vào bản án và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố anh chị là ông Lùng Khải M1 khởi kiện yêu cầu bà Lùng Thị Thanh H2 trả lại cho anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 do bà Đặng Thị T3 toàn bộ diện tích 10.741,7m^2 đất, thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo bản tự khai bị đơn bà Lùng Thị Thanh H2 trình bày: Chồng bà là ông Nguyễn Thanh L và các con bà là Lùng Khải K, Nguyễn Trường G, Nguyễn Nguyệt Q, Nguyễn Thanh G1 đã nhận được giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp và hoà giải nhưng do phải đi làm nên không đến Toà án tham gia phiên họp và hoà giải được.

Ông M1 con ông Lùng Diêu P2 (chết ngày 23/02/1982) và bà Lò Thị C1 (chết ngày 29/02/2000). Ông P2 và bà C1 có 02 con là: ông Lùng Khải M1, bà Lùng Thị Thanh H2. Ngoài ra, không còn ai khác. Ông P2 có vợ đầu là bà Sần E G2 đã chết lâu khoảng năm 1957, có 02 người con chung là bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C.

Toàn bộ diện tích đất 10.055,8m^2 thuộc thửa 677, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng hiện nay do vợ chồng bà (ông Nguyễn Thanh L) đang quản lý, sử dụng trồng hoa màu. Trên đất có xây cấp 4, dài khoảng 15m, rộng khoảng 4,5m, nhà xây làm từ năm 2015. Hiện nay, bà và chồng là ông L và các con là anh K, anh Trường G, chị Nguyệt Q, anh Thanh G1 đang ở trên toàn bộ diện tích đất này. Trước đây ở nhà cũ nay đã sập nát. Khoảng năm 2010 vợ chồng ông bà xây nhà và ở đó cho đến nay. Hiện vợ chồng bà và các con bà đang ở và quản lý toàn bộ tài sản này. Nhà vách tôn, mái tôn nhà tạm là cháu K đang ở. Diện tích 684,7m^2 đất, thuộc thửa đất 324 và diện tích 569,3m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ. Đất này là của bố mẹ để lại chứ không phải là của ông M1.

Trước đây có chòi trên đất để làm vườn của ông Lùng Diêu P2, bà Lò Thị C1. Đất này là của ông P2, bà C1 là bố mẹ bà. Bà không có đất nên bố mẹ cho ở để sử dụng trồng hoa màu giữ đất. Hiện nay, toàn bộ diện tích 10.055,8m^2 đất, thuộc thửa 677, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ và diện tích 684,7m^2 đất, thuộc thửa đất 324 và diện tích 569,3m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ. Theo trích lục mà gia đình bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 06/7/2022 thì hiện nay tên người sử dụng đất là chưa đăng ký. Bà cũng không hiểu tại sao ông Lùng Khải M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình các chị em đều không biết.

Toàn bộ diện tích đất 10.055,8m^2 thuộc thửa 677, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ và diện tích đất 684,7m^2 thuộc thửa đất 324 và diện tích đất 569,3m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ là của cha mẹ để lại nên chia đều cho 04 anh chị em là bà C, bà H2, bà M và ông M1 (ông M1 chết thì chia cho các con). Có nghĩa là mỗi người ¼ diện tích đất.

Nay anh em anh T yêu cầu bà trả lại diện tích đất 10.741,7m^2 thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì không đồng ý.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C trình bày: Ông M1 và bà T3 có 04 người con chung Lùng Duy T1, Lùng Duy Thái P, Lùng Duy Vĩnh T, Lùng Duy Thái H1. Ông M1 và bà T3 đã ly hôn. Ông M1 con ông Lùng Diêu P2 (chết ngày 23/02/1982) và bà Lò Thị C1 (chết ngày 29/02/2000). Ông P2 và bà C1 có 02 con là: Ông Lùng Khải M1, bà Lùng Thị Thanh H2. Ngoài ra, không còn ai khác. Ông P2 có vợ đầu là bà Sần E G2 đã chết lâu khoảng năm 1957, có 02 người con chung là bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C.

Năm 1977 bà C lấy chồng và ra ở riêng, không ở trên đất này. Năm 1970 thì bà M lấy chồng và về Ninh Thuận sinh sống. Trước đây anh chị em ở với bố mẹ tại đường P, thị trấn L (C, xã T) là nhà chính thức, còn lại phần đất trong khu Nho Hồng là vườn của gia đình. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các bà không đồng ý.

Hiện nay toàn bộ diện tích đất 10.055,8m^2 thuộc thửa 677, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ và diện tích đất 684,7m^2 thuộc thửa đất 324 và diện tích đất 569,3m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ. Theo trích lục mà gia đình bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp ngày 06/7/2022 thì hiện nay tên người sử dụng đất là chưa đăng ký. Bà cũng không hiểu tại sao ông Lùng Khải M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình các chị em đều không biết.

Toàn bộ diện tích đất 10.055,8m^2 thuộc thửa 677, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ và diện tích đất 684,7m^2 thuộc thửa đất 324 và diện tích đất 569,3m^2, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ là của cha mẹ để lại nên chia đều cho 04 anh chị em là bà C, bà H2, bà M và ông M1 (ông M1 chết thì chia cho các con). Có nghĩa là mỗi người ¼ diện tích đất.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L, anh Lùng Khải K, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Nguyệt Q, anh Nguyễn Thanh G1 trình bày: Các anh chị, ông L có đơn xét xử vắng mặt.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ do ông Phan Anh T2 đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên hộ ông Lùng Khải M1. Địa chỉ thường trú: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đối với thửa đất số 166, 167, 128, 129, 164, 164, 131, 132, 133, 134, 160, 161, 162, 163, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V183074

do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 17/12/2002 mang tên hộ ông Lùng Khải M1. Vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5709 Q5 QSDĐ/1037/QĐ (H) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên hộ ông Lùng Khải M1. Địa chỉ thường trú: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V183075 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 17/12/2002 mang tên hộ ông Lùng Khải M1. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5709 Q5 QSDĐ/1037/QĐ (H) là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 (sinh năm 2006) do bà Đặng Thị T3 đại diện theo pháp luật về vụ việc "Tranh chấp về quyền sử dụng đất" đối với bị đơn bà Lùng Thị Thanh H2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C, ông Nguyễn Thanh L, anh Lùng Khải K, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Nguyệt Q, anh Nguyễn Thanh G1.

Buộc bà Lùng Thị Thanh H2, ông Nguyễn Thanh L, anh Lùng Khải K, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Nguyệt Q, anh Nguyễn Thanh G1 có nghĩa vụ trả lại cho đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 diện tích 10.741,7m^2 đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây cấp 4 và cây trồng trên đất), thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, TT.Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Công nhận diện tích 10.741,7m^2 đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây cấp 4 và cây trồng trên đất), thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng đất của đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1.

Đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Có hoạ đồ số 1129 ký ngày 09/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ kèm theo).

2. Buộc đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Lùng Thị Thanh H2 số tiền 427.710.758 đồng giá trị công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

Buộc đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L1 Khải Khánh số tiền 17.550.000 đồng giá trị nhà tôn, vách tôn trên đất.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/7/2024, bà C, bà M có đơn kháng cáo cho rằng các bà không biết ông M1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Quá trình giải quyết vụ án các bà có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông M1 và tại phiên tòa các bà cũng yêu cầu nhưng không được thụ lý giải quyết và không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông M1. Do đó, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà C, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà C, bà M đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết lại vụ án.

Đồng nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà C, bà M và kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, cho rằng phải xác định quan hệ tranh chấp *"Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất"* mới đúng; Rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm của VKSND huyện Đức Trọng về phần tố tụng; Chấp nhận phần nội dung của kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lùng Thị Thanh C, bà Lùng Thị Thanh M. Căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là đúng với quy định tại khoản 9, Điều 26 BLTTDS năm 2015. Đơn kháng cáo của bà C, bà M, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng; người kháng cáo, kháng nghị và thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lùng Thị Thanh C, bà Lùng Thị Thanh M, thì thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị cho rằng:*"Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa đầy đủ. Mà cần phải xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế. Bị đơn bà Lùng Thị Thanh H2 yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất tranh chấp cho bà H2, bà M, bà C và các con của ông M1, mỗi người ¼ diện tích đất nhưng Tòa án không yêu cầu bà H2 đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu này và không thụ lý yêu cầu của bà H2 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng".* Theo hồ sơ thể hiện, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H2 không có đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, bà C không có đơn yêu cầu độc lập. Việc các bà trình bày diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ nên đề nghị chia đều cho 4 người con là ý kiến của các bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát về phần tố tụng là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa đã rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng về phần tố tụng. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng về phần tố tụng.

Về xác minh thu thập chứng cứ: Kháng nghị cho rằng, Tòa án chưa xác minh làm rõ vị trí các thửa đất 166, 167, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 160, 161, 162, 163, 164, 165 tờ bản đồ số 33 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 Khải Minh vào ngày 17/12/2002 ở vị trí nào, có thuộc thửa 677 hay không là không cần thiết. Bởi lẽ, các đương sự tranh chấp diện tích 10.741,7m^2 đất thuộc thửa đất số 677, 324, 327 tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo đúng hiện trạng đo đạc, không tranh chấp về ranh giới tứ cận và không tranh chấp thêm diện tích đất nào khác. Tại Công văn số 348 CV-CN.ĐTR ngày 09/4/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ (BL số 299) đã xác định các thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số 35, tại thị trấn L tên người sử dụng đất đăng ký là ông Lùng Khải M1. Ngoài ra, theo hồ sơ địa

chính thì thửa đất 314 được tách thành thửa 677 diện tích 9.874m^2 và thửa 678 diện tích 1.409m^2. Bà H2 cung cấp trích lục bản đồ địa chính ngày 06/7/2022 thể hiện diện tích bà H2 đang sử dụng là thửa 677, diện tích 10.055,8m^2 nhưng trong sổ mục kê người đăng ký là ông M1 chứ không phải bà H2. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M1 đối với thửa đất số 166, 167, 128, 129, 164, 164, 131, 132, 133, 134, 160, 161, 162, 163 và thửa 250 tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số sổ V183074 và V183075 cùng ngày 17/12/2002 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Bản án số 56/2008/HNGĐ-ST ngày 16/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng (đã có hiệu lực pháp luật), ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông M1 được quyền sử dụng diện tích đất 4.090m^2 và tạm sử dụng đất 5.784m^2 đều thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, diện tích đất 744m^2 thuộc thửa đất số 324 và diện tích đất 511m^2 thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà T3 được sử dụng diện tích đất 1.409m^2 thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ và diện tích đất 900m^2 thuộc các thửa 298, 299, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo bản án ông M1 được tạm sử dụng thửa 324, 327 và diện tích 5.787m^2 thuộc một phần thửa 314 thì tại phần xét thấy của bản án này (BL số 12) cũng đã nhận định do ông M1 đang hoàn tất thủ tục cấp quyền sử dụng đất nên tạm giao. Mặt khác, bà H2, bà C và bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cũng không yêu cầu chia các diện tích đất trên mà đồng ý với thỏa thuận của ông M1 và bà T3 (BL số 316, 317, 318, 320). Hơn nữa, ngày 06/5/2019 bà H2, bà M, bà C và người thừa kế của ông M1 là chị T1, anh T, chị P, chị H1 (bà T3 đại diện) thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ P2, cụ C1 để lại (BL số 116 đến 120) đối với diện tích đất 163,6m^2, thửa 301, tờ bản đồ số 55 (2014) thị trấn L, huyện Đ. Theo đó, xác định giá trị quyền sử dụng đất là 2.000.000.000đ, bà M nhận toàn bộ di sản là bất động sản nêu trên và có trách nhiệm thanh toán lại cho mỗi kỷ phần thừa kế là bà C, bà H2, ông M1 (người thừa kế là các con ông M1) số tiền 500.000.000đ. Tại thời điểm này, bà H2, bà M, bà C cũng không đề cập gì đến diện tích đất 10.741,7m^2. Hồ sơ cũng thể hiện năm 2012 các anh chị T1, P, T, H1 đã có đơn khiếu nại ra Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bà Chi trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lùng Khải M1 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ hướng dẫn gửi đơn đến Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/12/2011, ông M1 chết, theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông M1 gồm: anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1.

Theo hồ sơ địa chính thì thửa 314, tờ bản đồ số 33, thị trấn L, huyện Đ được tách thành thửa đất số 677 diện tích 9.874m^2 đất và thửa đất số 678 diện tích 1.409m^2 đất, tờ bản đồ số 35. Thửa 678 diện tích 1.409m^2, đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị T3. Bà T3 chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị H4, bà H4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự không tranh chấp.

Như vậy, các thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, trước khi chết (ngày 06/12/2011) ông M1 là người sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện Đ cũng đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, toàn bộ diện tích 10.741,7m^2 đất, thuộc các thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là thuộc quyền sử dụng của ông M1.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Buộc bà H2 và ông L, anh K, anh Trường G, chị Q, anh Thanh G1 trả lại diện tích 10.741,7m^2 đất, thuộc các thửa 677, 324, 327, tờ bản đồ số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đồng nguyên đơn anh T, chị T1, chị P, chị H1. Họa đồ 1129 (BL số 355) cũng đã thể hiện hiện trạng trên đất có nhà ở, ao tưới nước và cây trồng hằng năm. Buộc anh T, chị T1, chị P, chị H1 thanh toán lại giá trị tài sản trên đất cho ông L, bà H2, số tiền 427.710.758 đồng (công trình xây dựng 332.516.358 đồng và giá trị cây trồng 91.194.400 đồng) và thanh toán lại cho anh K giá trị nhà tôn số tiền 17.550.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/12/2023 của Công ty TNHH T4 là có căn cứ đúng pháp luật. Đây không phải vụ án *"K1 đòi nhà cho ở nhờ",* nhà ở trên đất cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận quyền sở hữu hợp pháp cho bà H2, ông L và ông K nên không có cơ sở để xem xét về quyền lưu cư như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề cập tại phiên tòa. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm bà H2, ông L, ông K không kháng cáo.

Bà M, bà C kháng cáo cho rằng các bà không biết ông M1 được cấp giấy chứng nhận QSD đất là không đúng. Bởi lẽ, các bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong Bản án hôn nhân gia đình số 56/2008/HNGĐ-ST ngày 16/4/2008 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng. Tại Bản án đã xác định diện tích 4.090m^2, thửa 314, tờ bản đồ số 33 ông M1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất (BL số 312). Mặt khác, bà M, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu chia đều diện tích đất tranh chấp cho 4 người là bà C, bà H2, bà M và các con của ông M1 (một phần). Tại phiên tòa sơ thẩm bà M vẫn

giữ nguyên yêu cầu trên, còn bà C thì đồng ý như bà M trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lùng Khải M1 (BL 65 đến 70) nên kháng cáo của bà C, bà M là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông L, bà H2 trả lại cho đồng nguyên đơn số tiền 63.541.143 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản là đúng pháp luật.

Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên: *"Công nhận diện tích 10.741,7m^2 đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây cấp 4 và cây trồng trên đất), thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng đất của đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1"* là thừa vì đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất nên chỉ cần tuyên buộc trả lại đất. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng về phần nội dung; không chấp nhận kháng cáo của bà C, bà M; sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án như đã nhận định.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà C, bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà C, bà M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà C, bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 15/7/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng về phần tố tụng.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lùng Thị Thanh C, bà Lùng Thị Thanh M, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng về phần nội dung, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bị đơn bà Lùng Thị Thanh H2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lùng Thị Thanh M, bà Lùng Thị Thanh C, ông Nguyễn Thanh L, anh Lùng Khải K, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Nguyệt Q, anh Nguyễn Thanh G1.

Buộc bà Lùng Thị Thanh H2, ông Nguyễn Thanh L, anh Lùng Khải K, anh Nguyễn Trường G, chị Nguyễn Nguyệt Q, anh Nguyễn Thanh G1 có nghĩa vụ trả lại cho đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 diện tích 10.741,7m^2 đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây cấp 4 và cây trồng trên đất), thuộc thửa đất số 677, 324, 327, tờ bản đồ số số 35, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1 và chị Lùng Duy Thái H1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Hoạ đồ số 1129 ngày 09/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

2. Buộc đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Lùng Thị Thanh H2 số tiền 427.710.758 đồng *(Bốn trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm mười ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng)* giá trị công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

Buộc đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L1 Khải Khánh số tiền 17.550.000 đồng *(Mười bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)* giá trị nhà tôn, vách tôn trên đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Lùng Thị Thanh H2 có nghĩa vụ trả cho đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 số tiền 63.541.143 đồng chi phí tố tụng.

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lùng Thị Thanh C, bà Lùng Thị Thanh M, ông Nguyễn Thanh L.

Buộc bà Lùng Thị Thanh H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Lùng Khải K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Nguyễn Nguyệt Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Thanh G1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới phải chịu 21.810.430 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm anh Lùng Duy Vĩnh T đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0008368 ngày 11/11/2022, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lùng Duy T1 đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0008369 ngày 11/11/2022, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lùng Duy Thái P đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0008370 ngày 11/11/2022, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lùng Duy Thái H1 do bà Đặng Thị T3 đại diện theo pháp luật đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0008371 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Như vậy, đồng nguyên đơn anh Lùng Duy Vĩnh T, chị Lùng Duy Thái P, chị Lùng Duy T1, chị Lùng Duy Thái H1 có nghĩa vụ liên đới phải nộp 20.610.430 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng TTr, KT&THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01);
- Đương sự (13);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt